

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/CPTPV/2025

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353

Email: contact@phuongvycoffee.com

Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5592/2022/BQLATTP-HCM

Ngày Cấp: 02/11/2022

Nơi cấp: Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TRÀ Ô LONG

2. Thành phần: Trà Ô Long (100%)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX), ngày đóng gói (NDG) và hạn sử dụng (HSD) in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE. Sau đó được cho vào hộp giấy hoặc lon giấy.

Bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất gia công (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam

Địa chỉ: 893 – 895 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM TẠI:

- Công ty TNHH cà phê trà Phương Vy

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Chi nhánh Công ty TNHH cà phê trà Phương Vy

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, Đường số 15, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Các chi nhánh khác của công ty TNHH cà phê trà Phương Vy.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.9, 2.21, 3.27, 4.6)

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

3. Các tiêu chuẩn khác: Theo bảng tiêu chuẩn sản phẩm (đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

	CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	SỐ: 08/CPTPV/2025
		TRÀ Ô LONG	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Ngoại hình: Dạng viên xoắn, khô, tương đối đồng đều.
- Mùi: Mùi thơm đặc trưng của trà Ô Long
- Vị: Đậm dịu, hơi chát, có hậu ngọt
- Màu nước sau khi pha: Vàng xanh, trong sáng.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 7
2	Hàm lượng chất chiết trong nước	% khối lượng chất khô	≥ 32
3	Tro tổng số	% khối lượng chất khô	4 – 8
4	Hàm lượng Tanin	% khối lượng chất khô	≥ 14

3. Chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.9, 2.21, 3.27, 4.6)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0.05

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



CÔNG TY

TNHH

CÀ PHÊ TRÀ

PHƯƠNG VY

QUẬN THANH - TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

555
ÔNG
TNI
PHÉ
ƯƠN
VH-T

3842 3TY 3H TA GV PHOS

PRINTING COLORS	
 Cyan	NUMBER OF COLORS: 4
 Magenta	
 Yellow	
 Black	
	Cutterguide

KHÁCH HÀNG KY DUYỆT	
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	
BAN GIÁM ĐỐC	PHÒNG QA
	

16 cm



ÉP KIM
(5 X 6,5 CM)



Tên khách hàng: Công ty Cà Phê - Trà Phương Vy Tên sản phẩm: HỘP TRÀ Ô LONG 200G Quy cách: L x W = 95 x 50 x 160 mm (Như hình vẽ) Mã số sản phẩm: 120270038 - 6	SỐ MẪU IN: 4 màu Process + ép kim • Màu Process  • Màu Pha 	Ngày hoàn thành: Ngày chỉnh sửa: 14.12.2024 Chỉnh sửa lần: 06 Người thực hiện: Nguyễn T. Huyền Ký tên:	Ngày 14 tháng 12 năm 2024 Người xem xét: Nguyễn Mậu Thủy Ký tên:
--	---	--	--



2.8 cm

13.2 cm

Nắp trà

Thân trà

27 cm

KT3-07164ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/08/2025
Page 01/05

1. Tên mẫu : TRÀ Ô LONG
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Xem hình trang/ See photograph on page 05/05.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 24/07/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 25/07/2025 – 04/08/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
Customer 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-04/05
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07164ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



04/08/2025
Page 02/05

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²		Nhỏ hơn 3,00 x 10 ⁻² (2) Less than
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016	1,50 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	TCVN 5613:2007		-	1,68
7.6. Hàm lượng chất chiết trong nước trên chất khô tính theo khối lượng, % Water extract content on dry basis (m/m)	TCVN 5610 : 2007		-	38,1
7.7. Hàm lượng tro tổng trên chất khô tính theo khối lượng, % Total ash content on dry basis (m/m)	TCVN 5611 : 2007		-	5,67
7.8. Hàm lượng tanin qui ra axit quercitannic tính theo khối lượng, % Tannin content is converted to quercitannic acid (m/m)	AOAC 2019 (955.35)		-	15,1
7.9. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		9,5 x 10 ¹
7.10. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.11. E.Coli, CFU/g	ISO16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07164ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



04/08/2025
Page 03/05

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected
7.13. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	TCVN 4991 : 2005	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.14. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004 - Amd 1:2020	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.15. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-		2,0 x 10 ¹
7.16. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg <i>Pesticide content</i>				
• Bifenthrin	EN 15662:2018	0,1		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,01		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin	EN 15662:2018	0,1		Không phát hiện Not detected
• Deltamethrin	EN 15662:2018	0,1		Không phát hiện Not detected
• Dicofof	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Endosulfan	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected
• Etoxazole	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenpropathrin	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07164ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/08/2025
Page 04/05

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Flubendiamide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Flufenoxuron	QTTN/KT3 272:2020	0,01		Không phát hiện Not detected
• Hexythiazox	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện Not detected
• Indoxacarb	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected
• Methidathion	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected
• Paraquat	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện Not detected
• Permethrin	EN 15662:2018	0,1		Không phát hiện Not detected
• Propargite	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected
• Thiamethoxam	EN 15662:2018	-		0,05
• Profenofos	EN 15662:2018	0,02		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Notes:

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(2): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

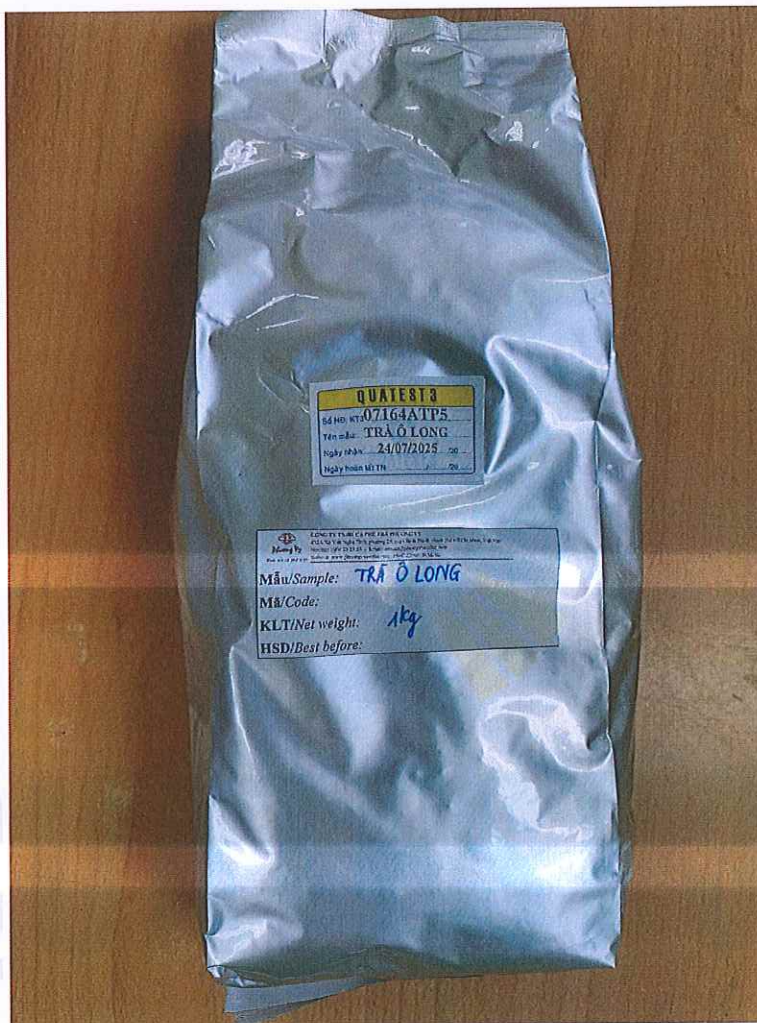
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07164ATP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Số: 027.../2026/CV-PV.TGD
V/v: Bổ sung bao bì sản phẩm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

KÍNH GỬI: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy
Mã số thuế: 0310553942
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603

Công ty xin bổ sung thông tin bao bì, quy cách đóng gói cho sản phẩm đã được thực hiện thủ tục Tự công bố theo quy định hiện hành và đã gửi 01 bản Tự công bố cho Sở an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh
Sản phẩm có Tự công bố chất lượng như sau:

STT	SỐ TCB	TÊN SẢN PHẨM
1	08/CPTPV/2025	Trà Ô Long

Thông tin bổ sung bao bì, quy cách đóng gói:
- Thay đổi thông tin: Hướng dẫn sử dụng, thông tin đơn vị hành chính mới, bổ sung thông tin ngày đóng gói (NGG) cho nhãn sản phẩm quy cách sản phẩm 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g.
- Bổ sung nhãn sản phẩm quy cách đóng gói **khối lượng tịnh: 50 g**
Thông tin hình ảnh bao bì nhãn sản phẩm được dự thảo và đính kèm công văn này.

Công ty chúng tôi cam kết thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm như đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

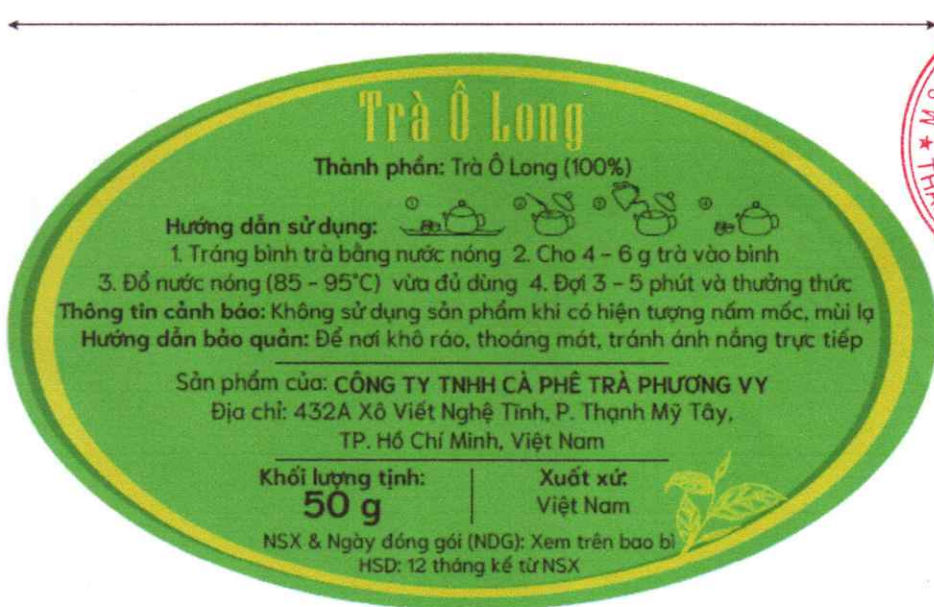
- Như trên;
- Lưu R&D

ĐẠI DIỆN TỐ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
CÀ PHÊ TRÀ
PHƯƠNG VY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

70 mm



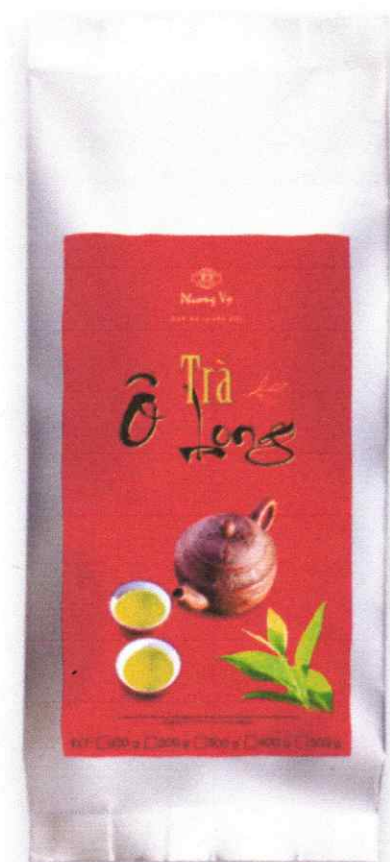
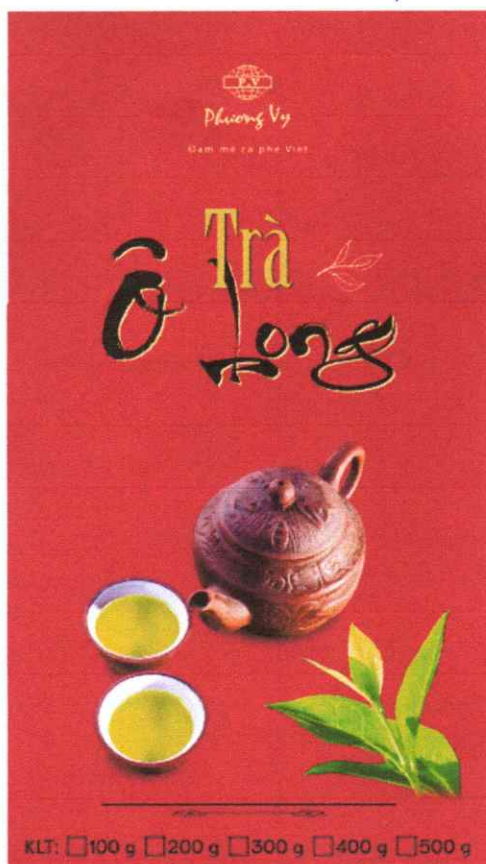
42 mm



Nhãn sản phẩm quy cách đóng gói khối lượng tịnh: 50 g

12.5 cm

7 cm



Nhãn sản phẩm quy cách đóng gói: 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g